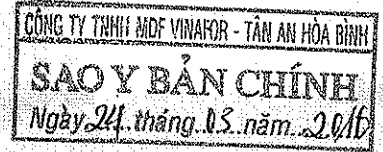




TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Vinh Hoàn



CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội, tháng 01 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Địa chỉ: xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MDF Vinafor – Tân An Hòa Bình trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MDF Vinafor – Tân An Hòa Bình là Công ty TNHH hai thành viên trở lên (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 5400312242, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 10 năm 2014.

2. Ban lãnh đạo công ty

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2015 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên:

Ông Phí Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT
Ông Trương Thế Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Trương Hoàng Long	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT – Thôi giữ chức ngày 02/04/2015
Ông Mai Quý Quảng	Thành viên HĐQT – Bổ nhiệm ngày 02/04/2015

Ban kiểm soát:

Bà Vương Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đậu Thanh Bằng	Thành viên Ban kiểm soát

Ban điều hành:

Ông Trần Vĩnh Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Kim Ngân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Quý Quảng	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

4. Hoạt động kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất kinh doanh ván gỗ MDF và ván ghép thanh.

5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang số 06 đến trang số 26.

Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được phân phối theo Quyết định của Hội đồng thành viên.

6. Các sự kiện bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

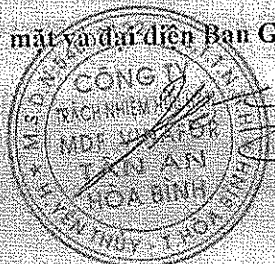
Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc 



Trần Vĩnh Hoàn
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 26 tháng 01 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VẠN AN - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Phòng 1601, Tòa nhà Momota, 151 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: (84-4) 3662 8634 - Fax: (84-4) 3662 8635 - Mobile: 0912 020 644

CHUYÊN NGÀNH: KIỂM TOÁN - TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN - THUẾ & THẨM ĐỊNH GIÁ

SỐ: 06 /2016/VACA/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty TNHH MDF Vinafor – Tân An Hòa Bình

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MDF Vinafor – Tân An Hòa Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày của Công ty TNHH MDF Vinafor – Tân An Hòa Bình từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

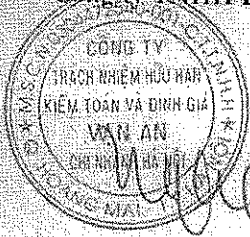
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MDF Vinafor – Tân An Hòa Bình tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội



(Handwritten signature of Bùi Ngô Liên)

(Handwritten signature of Nguyễn Minh Ân)

Bùi Ngô Liên - Giám đốc

Nguyễn Minh Ân - Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1006-2013-110-1

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1313-2013-110-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.072.394.663	30.598.078.435
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		711.964.391	5.802.953.535
1. Tiền	111	V.01	711.964.391	5.802.953.535
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.124.095.179	2.559.886.284
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	3.419.811.793	1.738.099.135
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	863.520.181	365.767.716
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	840.763.205	456.019.433
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	19.114.055.133	11.266.963.729
1. Hàng tồn kho	141		19.114.055.133	11.266.963.729
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		122.279.960	968.274.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	85.086.412	931.081.339
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	37.193.548	37.193.548
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.129.469.976	156.304.167.967
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		140.766.923.969	151.601.455.184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	137.590.964.393	148.357.922.000
- Nguyên giá	222		174.726.831.040	170.105.853.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.135.866.647)	(21.747.931.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	3.175.959.576	3.243.533.184
- Nguyên giá	228		3.378.680.400	3.378.680.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(202.720.824)	(135.147.216)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		122.487.546	4.109.694.475
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	122.487.546	4.109.694.475
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.240.058.461	593.018.308
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.240.058.461	593.018.308
TỔNG TÀI SẢN	270		167.201.864.639	186.902.246.402

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	135.218.043.032	139.426.248.167
I. Nợ ngắn hạn	310	50.604.037.292	51.413.036.577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.10	10.384.864.224	10.363.716.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	50.381.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.11	2.749.769.653	1.667.497.558
4. Phải trả người lao động	314	1.675.494.610	860.852.492
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.12	6.270.244.409	450.237.025
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.13	196.921.820	4.020.074.275
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.14	29.326.742.576	34.000.277.235
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
II. Nợ dài hạn	330	84.614.005.740	88.013.211.590
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 V.14	84.614.005.740	88.013.211.590
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	31.983.821.607	47.475.998.235
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.15	31.983.821.607	47.475.998.235
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	36.821.880.031	44.391.304.000
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	(417.533.696)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(54.838.058.424)	(46.497.772.069)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440	167.201.864.639	186.902.246.402

Hòa Bình, ngày 26 tháng 01 năm 2016

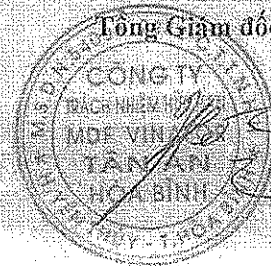
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]

[Signature]



[Signature]

Mai Quý Quảng

Trần Vinh Hoàn

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	105.823.580.689	98.008.934.357
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3.001.900.766	5.244.993.026
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.821.679.923	92.763.941.331
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	97.776.302.716	102.501.441.166
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.045.377.207	(9.737.499.835)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	68.545.357	12.930.704
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	11.920.990.874	14.448.780.749
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.500.496.678	13.998.520.040
8. Chi phí bán hàng	25	VI.06	608.165.103	57.462.735
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	5.260.142.771	5.062.803.221
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.675.376.184)	(29.293.615.836)
11. Thu nhập khác	31	VI.08	13.421.500	520.982.650
12. Chi phí khác	32	VI.09	293.018.108	788.999.368
13. Lợi nhuận khác	40		(279.596.608)	(268.016.718)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.954.972.792)	(29.561.632.554)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.954.972.792)	(29.561.632.554)

Hòa Bình, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hiền

Mai Quý Quảng

Đỗ Thị Thu Hiền

Mai Quý Quảng



Trần Vĩnh Hoàn

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	104.439.532.235	96.266.776.332
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(90.841.561.716)	(81.798.325.290)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.962.630.413)	(8.450.759.259)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.667.367.294)	(13.598.204.992)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.928.419.909	8.413.709.756
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(33.373.979.080)	(12.917.313.422)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.477.586.359)	(12.084.116.875)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(607.987.626)	(3.039.078.842)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.325.350	11.598.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.459.337.724	(13.027.480.831)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	24.391.304.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.429.744.941	30.686.084.835
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.502.485.450)	(26.248.631.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.072.740.509)	28.828.757.185
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.090.989.144)	3.717.159.479
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.802.953.535	2.085.794.056
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	711.964.391	5.802.953.535

Hòa Bình, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

[Signature]

[Signature]



[Signature]

Mai Quý Quang

Trần Vinh Hoàn

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MDF Vinafor – Tân An Hòa Bình là Công ty TNHH hai thành viên trở lên (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 5400312242, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính công ty tại: xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp là: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).

Các thành viên góp vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 như sau:

STT	Tên thành viên	Địa chỉ/ Hộ khẩu thường trú	Giá trị phần vốn góp	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	127 Lò Đúc, P. Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.	24.500.000.000	49
2	Công ty TNHH Tân An	Tầng 9, tòa nhà JSC34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội, VN	25.500.000.000	51
Tổng			50.000.000.000	100

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm khác từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻ bện. Chi tiết: sản xuất, xuất nhập khẩu ván sợi ép; sản xuất, xuất nhập khẩu các sản phẩm từ gỗ và lâm sản (trừ các loại nhà nước cấm); sản xuất, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo, dăm gỗ, đồ mộc; sản xuất và kinh doanh ván ghép thanh.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.
- Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ loại nhà nước cấm sản xuất).
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: keo, thuốc bảo quản nông lâm sản.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế trồng rừng.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: máy móc, vật tư kỹ thuật.
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: máy móc, vật tư kỹ thuật; gỗ ván nhân tạo, dăm gỗ, đồ mộc; phân bón, keo, thuốc bảo quản nông lâm sản.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất kinh doanh gỗ ván MDF và ván ghép thanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty từ khâu dự trữ đến khi sản xuất sản phẩm hoàn thành, tiêu thụ sản phẩm khoảng 1 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và không có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán, các thông tin này bảo đảm tính so sánh được.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục và được áp dụng các chính sách kế toán sau đây:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua (T+0) và được xác định giá trị theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (bao gồm cả các khoản cho vay), công ty đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày cuối kỳ.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán; khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty tiến hành đánh giá lại các khoản thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày đánh giá.

Khi lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng được phân loại tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tính theo giá gốc. Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Quyền sử dụng đất	50

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí SXKD theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả khác:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả.

Khi lập báo cáo tài chính, các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày cuối kỳ báo cáo.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận theo số tiền gốc vay. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay) được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.
Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận là số chênh lệch giữa tiền thu về bán cổ phần và mệnh giá cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong các trường hợp: thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ; đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu kỳ là chênh lệch tỷ giá trước hoạt động của doanh nghiệp, đã phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tó thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tó sai sót trong yếu của các năm trước

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng thành viên, số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính.

Khi phân phối lợi nhuận Công ty loại trừ các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu trong năm tài chính của Công ty bao gồm: doanh thu bán gỗ ván MDF và ván ghép thanh.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng khi đã hoàn thành giao hàng theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cô tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo về phân phối lợi nhuận. Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi các nghiệp vụ giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh lãi tỷ giá.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà doanh nghiệp chắc chắn thu được.

Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu kỳ trước nếu trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính. Nếu các sự kiện này phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu vào kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng; khi một khoản doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận, nhưng chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ làm căn cứ để ghi nhận giá vốn, kế toán căn cứ vào tính toán ban đầu, dự toán được phê duyệt để trích trước chi phí vào giá vốn trong kỳ. Ghi nhận giá vốn bảo đảm nguyên tắc thận trọng, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, sau khi trừ đi các khoản bồi thường, (nếu có) kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ. Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm khoản chi phí lãi tiền vay phát sinh trong năm tài chính, trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.01 Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	155.463.236	95.179.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	556.501.155	5.692.011.733
Tiền đang chuyển	-	15.762.370
Cộng	711.964.391	5.802.953.535

V.02 Phải thu khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	3.419.811.793	-	1.738.099.135	-
- Công ty CP Giồng và Vật tư Trồng rừng Hà Nội	945.322.965	-	366.842.521	-
- Công ty Cổ phần EUROWINDOW	39.164.796	-	-	-
- Công ty TNHH DV TM Việt Tiến	842.755.428	-	1.148.392.553	-
- Công ty TNHH DV&TM Minh Thủy	737.122.035	-	2.703.800	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Hải	193.764.511	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Tổng Hợp An Bình	47.039.608	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Vương Thanh	365.523.855	-	209.626.058	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Trường Sơn	249.118.595	-	1.017	-
- Phải thu khác	-	-	10.533.186	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	-

V.03 Trả trước cho người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	863.520.181	-	365.767.716	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Lê Kim	461.681.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng & Dịch vụ Cường Anh	240.000.000	-	240.000.000	-
- Các khoản trả trước khác	161.839.181	-	125.767.716	-
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

V.04 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	840.763.205	-	456.019.433	-
- Tạm ứng	840.763.205	-	455.275.670	-
- Phải thu khác	-	-	743.763	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	840.763.205	-	456.019.433	-

V.05 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.979.561.510	-	7.144.165.227	-
- Công cụ, dụng cụ	133.237.349	-	163.407.869	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.055.810.103	-	2.703.302.161	-
- Thành phẩm	9.945.446.171	-	1.256.088.472	-
Tổng	19.114.055.133	-	11.266.963.729	-

V.06 Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	85.086.412	931.081.339
Chi phí CCDC xuất dùng và các chi phí sửa chữa	85.086.412	931.081.339
b) Dài hạn	1.240.058.461	593.018.308
Chi phí CCDC xuất dùng và các chi phí sửa chữa	1.240.058.461	593.018.308
Cộng	1.325.144.873	1.524.099.647

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

V.07 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

MAU B 09-DN

Năm 2015	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	(Đơn vị tính: VNĐ)
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01	50.517.180.247	119.288.901.941	123.118.059	176.653.731	-	170.105.853.978	
Mua trong năm	-	547.954.626	-	-	-	547.954.626	
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.369.979.000	1.070.416.728	-	-	-	4.440.395.728	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	(292.002.688)	(75.370.604)	-	-	-	(367.373.292)	
Tại ngày 31/12	53.595.156.559	120.831.902.691	123.118.059	176.653.731	-	174.726.831.040	
Hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01	5.486.537.526	16.171.991.169	36.080.422	53.322.861	-	21.747.931.978	
Khấu hao trong năm	2.969.013.042	12.367.839.661	20.519.678	30.562.288	-	15.387.934.669	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 31/12	8.455.550.568	28.539.830.830	56.600.100	83.885.149	-	37.135.866.647	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01	45.030.642.721	103.116.910.772	87.037.637	123.330.870	-	148.357.922.000	
Tại ngày 31/12	45.139.605.991	92.292.071.861	66.517.959	92.768.582	-	137.590.964.393	

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

V.08 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

(Đơn vị tính: VND)

Năm 2015	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01	3.378.680.400	-	3.378.680.400
Tại ngày 31/12	3.378.680.400	-	3.378.680.400
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01	135.147.216	-	135.147.216
Khấu hao trong năm	67.573.608	-	67.573.608
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12	202.720.824	-	202.720.824
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01	3.243.533.184	-	3.243.533.184
Tại ngày 31/12	3.175.959.576	-	3.175.959.576

V.09 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Mua sắm	60.033.000	60.033.000	118.148.065	118.148.065
- XDCB	62.454.546	62.454.546	3.991.546.410	3.991.546.410
- Sửa chữa	-	-	-	-
Cộng	122.487.546	122.487.546	4.109.694.475	4.109.694.475

V.10 Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	10.384.864.224	10.384.864.224	10.363.716.227	10.363.716.227
- Công ty TNHH Sản Xuất TM & XNK Tâm Vũ	700.000.000	700.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hóa chất	1.186.932.260	1.186.932.260	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Khánh Ngọc	639.120.688	639.120.688	639.120.688	639.120.688
- Công ty TNHH Lâm Sản 2/9	466.101.920	466.101.920	-	-
- Công ty TNHH Minh Quý	2.400.170.960	2.400.170.960	-	-
- Công ty TNHH VITOP CHEMICALS	840.571.214	840.571.214	2.279.154.591	2.279.154.591
- Công ty TNHH Xuân Trường 68	449.219.640	449.219.640	541.011.440	541.011.440
- Doanh nghiệp tư nhân Phúc Long	500.000.000	500.000.000	375.000.000	375.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	3.202.747.542	3.202.747.542	5.529.429.508	5.529.429.508
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.384.864.224	10.384.864.224	10.363.716.227	10.363.716.227

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

V.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	1.663.840.511	6.319.846.080	5.233.916.938	2.749.769.653
- Thuế TTĐB	-	-	-	-
- Thuế XNK	-	43.130.432	43.130.432	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	3.657.047	3.093.163	6.750.210	-
- Thuế tài nguyên	-	2.393.760	2.393.760	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	33.766.200	33.766.200	-
- Thuế BVMT và các thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	163.496.324	163.496.324	-
Cộng	1.667.497.558	6.568.725.959	5.486.453.864	2.749.769.653
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.193.548	-	-	37.193.548
Cộng	37.193.548	-	-	37.193.548

V.12 Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	6.270.244.409	450.237.025
- Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1.949.392.383	-
- Chi nhánh Hòa Bình	-	-
- Lãi vay phải trả Eximbank Long Biên	4.312.412.026	428.675.025
- Các khoản trích trước khác	8.440.000	21.562.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	6.270.244.409	450.237.025

V.13 Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	76.374.680	-
- Bảo hiểm xã hội	88.757.659	15.070.460
- Bảo hiểm y tế	13.737.616	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.059.580	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhân ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	4.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.992.285	5.003.815
Cộng	196.921.820	4.020.074.275
b) Dài hạn		
Cộng	-	-

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

V.14 Vay và nợ thuê tài chính

MÃU B-09-DN

	31/12/2015		Phát sinh trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	29.326.742.576	10.129.744.941	3.429.744.941	8.103.279.600	34.000.277.235	14.403.279.600
Vay ngắn hạn Eximbank Long Biên	19.196.997.635	-	-	400.000.000	19.596.997.635	-
Vay ngắn hạn Agribank Hoàng Mai	3.429.744.941	3.429.744.941	3.429.744.941	7.703.279.600	7.703.279.600	7.703.279.600
Vay ngắn hạn Công ty TNHH Tân An	6.700.000.000	6.700.000.000	-	-	6.700.000.000	6.700.000.000
b) Vay dài hạn	84.614.005.740	-	-	3.399.205.850	88.013.211.590	-
Vay dài hạn NH Phát triển Việt Nam	35.955.214.819	-	-	2.200.000.000	38.155.214.819	-
Vay dài hạn Eximbank Long Biên	48.658.790.921	-	-	1.199.205.850	49.857.996.771	-
Cộng	113.940.748.316	10.129.744.941	3.429.744.941	11.502.485.450	122.013.488.825	14.403.279.600

d) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay ngắn hạn Eximbank Long Biên	19.196.997.635	1.188.144.794	19.596.997.635	68.589.494
Vay dài hạn Eximbank Long Biên	48.658.790.921	3.124.267.232	49.857.996.771	360.085.531
Cộng	67.855.788.556	4.312.412.026	69.454.994.406	428.675.025

đ) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

Khoản vay ngắn hạn Công ty TNHH Tân An theo hợp đồng vay vốn số 15/10/2014/HDKT-KTTC ngày 15/10/2014 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 15.10/2015/HDKT-KTTC ngày 15/10/2015 về việc gia hạn thời gian vay vốn đến ngày 15/10/2016

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

V.15 Vốn chủ sở hữu**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	24.500.000.000	24.500.000.000
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân An	25.500.000.000	25.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

b) Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Tại ngày 01/01/2014	50.000.000.000	20.000.000.000	(556.711.595)	(16.936.139.515)	52.507.148.890
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	141.928.063	-	141.928.063
Tăng khác	-	24.391.304.000	-	-	24.391.304.000
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	(2.750.164)	(29.561.632.554)	(29.564.382.718)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	50.000.000.000	44.391.304.000	(417.533.696)	(46.497.772.069)	47.475.998.235
Tại ngày 01/01/2015	50.000.000.000	44.391.304.000	(417.533.696)	(46.497.772.069)	47.475.998.235
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	421.714.203	4.614.686.437	5.036.400.640
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(12.954.972.792)	(12.954.972.792)
Giảm khác	-	(7.569.423.969)	(4.180.507)	-	(7.573.604.476)
Tại ngày 31/12/2015	50.000.000.000	36.821.880.031	-	(54.838.058.424)	31.983.821.607

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

V.16 Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
I. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		20,68	-

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**VI.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	105.823.580.689	98.008.934.357
Cộng	105.823.580.689	98.008.934.357

VI.02 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Chiết khấu thương mại	2.752.188.815	5.047.626.091
Giảm giá hàng bán	-	195.811.485
Hàng bán bị trả lại	249.711.951	1.555.450
Tổng	3.001.900.766	5.244.993.026

VI.03 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn thành phẩm đã bán	97.776.302.716	102.501.441.166
Cộng	97.776.302.716	102.501.441.166

VI.04 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.325.350	11.598.011
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.220.007	1.332.693
Cộng	68.545.357	12.930.704

VI.05 Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền vay	11.500.496.678	13.998.520.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá	420.494.196	139.177.899
Chi phí tài chính khác	-	311.082.810
Cộng	11.920.990.874	14.448.780.749

VI.06 Chi phí bán hàng

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên bán hàng	30.230.698	-
Chi phí nguyên, vật liệu	-	5.909.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	577.184.405	51.553.635
Chi phí bằng tiền khác	750.000	-
Cộng	608.165.103	57.462.735

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

VI.07 Chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên	2.842.984.266	2.897.187.240
Chi phí công cụ dụng cụ	47.881.168	130.351.959
Chi phí khấu hao TSCĐ	589.104.782	658.320.530
Thuế phí, lệ phí	80.260.407	37.332.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.048.274	353.843.217
Chi phí bằng tiền khác	1.402.863.874	985.767.375
Cộng	5.260.142.771	5.062.803.221

VI.08 Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Các khoản thu nhập khác	13.421.500	520.982.650
Cộng	13.421.500	520.982.650

VI.09 Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Các khoản bị phạt	223.496.324	32.684.301
Các khoản chi phí khác	69.521.784	756.315.067
Cộng	293.018.108	788.999.368

VI.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.030.438.958	63.747.298.832
Chi phí nhân công	10.428.888.777	10.283.839.146
Chi phí công cụ, dụng cụ	498.283.111	771.924.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.483.650.567	13.959.766.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.903.012	447.543.938
Chi phí khác bằng tiền	15.298.034.684	12.425.715.789
Tổng	114.641.199.109	101.636.088.158

CÔNG TY TNHH MDF VINAFOR – TÂN AN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Công ty TNHH Tân An	Công ty mẹ	Trả tiền lãi vay	532.091.670	87.288.889

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Nợ phải trả Công ty TNHH Tân An	Công ty mẹ	Nợ tiền gốc vay	6.700.000.000	6.700.000.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội.

Hòa Bình, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu HiềnMai Quý QuảngTrần Vinh Hoàn